

Số: 5672/QĐ-ĐCT-KHTC

Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai quyết toán Ngân sách năm 2019
của Cơ quan Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam**

ĐOÀN CHỦ TỊCH TW HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách Nhà nước và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ thông báo số 975/TB-BTC ngày 17/12/2020 của Bộ Tài chính về thông báo thẩm định quyết toán ngân sách năm 2019;

Xét đề nghị của Ban Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2019 theo biểu chi tiết đính kèm.

2. Trưởng các ban, đơn vị thuộc Cơ quan Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam có trách nhiệm thông báo công khai tới toàn thể cán bộ nhân viên của ban, đơn vị về số liệu và báo cáo kết quả thực hiện công khai về Trung ương Hội trước ngày 30/1/2021.

3. Trưởng các ban, đơn vị thực hiện nghiêm túc các kiến nghị của Bộ Tài chính và Trung ương Hội Liên Hiệp Phụ nữ Việt Nam liên quan đến quyết toán ngân sách năm 2019.

Nơi nhận:

- TT ĐCT;
- Lãnh đạo các ban, đơn vị;
- Lưu VT, KHTC.

**TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**
**BAN
CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG**

Hoàng Thị Ái Nhiên

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số ngày tháng năm của Bộ Tài chính

Đơn vị: TW Hội Liên Hiệp Phụ nữ Việt Nam

Chương: 112

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

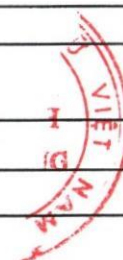
Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Văn phòng TW Hội	Ban Công tác phía Nam	Học viện Phụ nữ Việt Nam	Trung cấp Lê Thị Riêng	Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam	Báo Phụ nữ Việt Nam	Nhà xuất bản Phụ nữ	Trung tâm Phụ nữ Việt Nam
1	2	3	4	5=4-3	6		6					
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí											
I	Số thu phí, lệ phí	3,017	3,017									
1	Phí Bảo tàng	3,017	3,017						3,017			
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại											
I	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	1,986	1,986	-								
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1,986	1,986	-					1,986			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1,031	1,031						1,031			
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	335	335									
I	Lệ phí	335	335									
	Phí thăm quan bảo tàng	335	335						335			
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước											
I	Nguồn ngân sách trong nước	114,971			77,262	2,023	13,485	5,114	7,899	3,700	1,089	4,400
1	Chi quản lý hành chính	59,995			51,520	2,023	255	298	899	3,700	800	500
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	35,415			33,392	2,023						



1/2

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyet	Chênh lệch	Văn phòng TW Hội	Ban Công tác phía Nam	Học viện Phụ nữ Việt Nam	Trung cấp Lê Thị Riêng	Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam	Báo Phụ nữ Việt Nam	Nhà xuất bản Phụ nữ	Trung tâm Phụ nữ Việt Nam
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	24,580			18,128		255	298	899	3,700	800	500
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	2,731			2,731		-					
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	2,731			2,731							
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	-										
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	2,731			2,731							
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	-										
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	-										
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-										
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	20,307			3,938		12,044	4,325				-
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8,818					6,306	2,512				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	11,489			3,938		5,738	1,812				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	2,099			2,099		-					
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-										
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2,099			2,099							
5	Chi bảo đảm xã hội	7,625			3,027		697					3,900
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-										
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	7,625			3,027		697					3,900
6	Chi hoạt động kinh tế	7,427			6,448		488	491				

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Văn phòng TW Hội	Ban Công tác phía Nam	Học viện Phụ nữ Việt Nam	Trung cấp Lê Thị Riêng	Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam	Bảo Phụ nữ Việt Nam	Nhà xuất bản Phụ nữ	Trung tâm Phụ nữ Việt Nam
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-										
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	7,427			6,448		488	491				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	6,498			6,498		-					
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-										
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	6,498			6,498							
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	8,289			1,000		-		7,000	-	289	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4,256							4,256			
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4,033			1,000				2,744		289	
10	Chi các hoạt động kinh tế	-			-		-					
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-										
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-										
II	Nguồn vốn viện trợ	13,197	13,197				-					
1	Chi quản lý hành chính	-										
1.1	Các dự án	13,197	13,197									
2	Tài chính và khác	-					-					
2.1	Lào, Campuchia	-										



[Handwritten signature]